

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA NGOẠI NGỮ

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	TIẾNG HOA 4			
Mã học phần:	72ELAN10073		Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	241_72ELAN10073_01			
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:		75	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	☐ Có		☒ Không	

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO01	Ứng dụng phiên âm, hình dạng chữ Hán để xác định đúng nghĩa của các từ vựng sơ cấp.	Trắc nghiệm	50%	1-20	5	PI 2.3
CLO04	Sử dụng thành thạo các điểm ngữ pháp đã học vào việc đọc hiểu và viết câu đơn giản trong tiếng Trung.	Tự luận	50%	21-30	5	PI 5.3

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 câu + 0.25 điểm)

Chọn câu có nội dung miêu tả tương ứng với hình ảnh:



- A. 这块手表是我爸爸送给我的生日礼物。
- B. 外面太冷了，出去时记得多穿一点儿。
- C. 这是他刚买的书包。
- D. 今天报纸是王小姐买的。

ANSWER: A

Chọn câu có nội dung miêu tả tương ứng với hình ảnh:



- A. 这张报纸是昨天的。
- B. 今天你买牛奶了没有？
- C. 小王很喜欢看电影。
- D. 昨天你去哪儿了，我一直给你打电话但打不通。

ANSWER: A

Chọn câu có nội dung miêu tả tương ứng với hình ảnh:



- A. 他每天都坐公共汽车上学。

- B. 今天你怎么来学校的？
 C. 吃完晚饭后我们一起出去散散步吧。
 D. 她每天都骑自行车上学。

ANSWER: A

Chọn câu có nội dung miêu tả tương ứng với hình ảnh:



- A. 明天的早饭你准备得怎么样了？
 B. 他喜欢在阅览室看书。
 C. 丽丽的英语书本本都很厚。
 D. 他会说一点儿英语。

ANSWER: A

Chọn câu có nội dung miêu tả tương ứng với hình ảnh:



- A. 我每天早上六点半起床。
 B. 我每天晚上九点睡觉。
 C. 他每天都出去跑步。
 D. 下午我们一起去打篮球吧。

ANSWER: A

Chọn câu có nội dung miêu tả tương ứng với hình ảnh:



- A. 我今天不能上课了，因为我发烧了。
- B. 他今天不来上课。
- C. 他生病了，下午想在家休息休息。
- D. 她在吃药呢。

ANSWER: A

Chọn câu có nội dung miêu tả tương ứng với hình ảnh:



- A. 谢谢你帮我捡苹果。
- B. 我下午去超市买苹果。
- C. 他学习汉语四年了。
- D. 他还在工作呢。

ANSWER: A

Chọn câu có nội dung miêu tả tương ứng với hình ảnh:



- A. 生日的时候中国人常常吃长寿面。
- B. 昨天晚上我吃了两碗米饭。
- C. 他每天都出去锻炼身体。
- D. 她喜欢在公园跑步。

ANSWER: A

Chọn câu có nội dung miêu tả tương ứng với hình ảnh:



- A. 他很喜欢吃鸡肉。
- B. 他常常去食堂吃饭。
- C. 他每天都出去锻炼身体。
- D. 他去过中国两次。

ANSWER: A

Chọn câu có nội dung miêu tả tương ứng với hình ảnh:



- A. 这种药，晚饭后才吃。
- B. 九月去中国旅游最好。
- C. 因为王芳生病了，所以她没来上课。
- D. 这个人就是我的汉语老师。

ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống:

_____ 下课还有半个小时。

- A. 离
- B. 去
- C. 走
- D. 出

ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống:

这种草莓甜_____。

A. 一点儿

B. 有点儿

ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống:

小丽的衣服_____都很贵。

A. 件件

B. 个个

C. 张张

D. 天天

ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống:

张翰，你去_____中国了吗？

A. 过

B. 来

C. 出

D. 走

ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống:

八点上课，时间_____早_____。

A. 还……呢

B. 环……呢

C. 还……吗

D. 远……吗

ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống:

今天_____这么冷？

A. 怎么

B. 怎么样

C. 什么

D. 哪

ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống:

这件白的_____长，那件黑的_____贵。

A. 有点儿 / 有点儿

- B. 有点儿 / 一点儿
 C. 一点儿 / 一点儿
 D. 一点儿 / 有点儿

ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống:

今天的这_____电影我觉得很有意思。

- A. 部
 B. 套
 C. 件
 D. 碗

ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống:

昨天的考试我觉得还可以，就是很多字我都不知道是什么_____。

- A. 意思
 B. 写
 C. 读
 D. 样

ANSWER: A

Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: (0,2 điểm)

这本书_____他买_____。

- A. 是……的
 B. 不……的
 C. 有……的
 D. 就……的

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (10 câu + 0.5 điểm)

Câu hỏi 1: (0.5 điểm) Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh

怎么 / 你 / 芳芳 / 的 / 认识

Câu hỏi 2: (0.5 điểm) Sắp xếp từ thành câu hoàn chỉnh

报纸 / 上 / 桌子 / 的 / 是 / 天 / 的 / 哪

Câu hỏi 3: (0.5 điểm) Sửa câu sai

听说小丽她不要去美国。

Câu hỏi 4: (0.5 điểm) Sửa câu sai

这条裙子卖一百块多钱。

Câu hỏi 5: (0.5 điểm) Dịch câu sau sang tiếng Trung

Xin hỏi, khi nào tôi có thể xuất viện? Tôi còn phải đi học.

Câu hỏi 6: (0.5 điểm) Dịch câu sau sang tiếng Trung

Cách đây không xa có một nhà hàng Pháp, chúng ta đi thôi.

Câu hỏi 7: (0.5 điểm) Dịch câu sau sang tiếng Trung

Bảy giờ rưỡi thì tôi đã đến lớp rồi.

Câu hỏi 8: (0.5 điểm) Dịch câu sau sang tiếng Việt

今天是二月七号，离我的生日还有一个星期呢。

Câu hỏi 9: (0.5 điểm) Dịch câu sau sang tiếng Việt

小王在哪儿呢？我在门外看见他的自行车了。

Câu hỏi 10: (0.5 điểm) Dịch câu sau sang tiếng Việt

医生说每天喝咖啡对身体不好。

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		5.0	
Câu 1 – 20	Theo đáp án A	0.25đ / 1 câu	
II. Tự luận		5.0	
Câu 1	你怎么认识芳芳的？	0.5	- Sắp xếp câu, sửa câu sai, dịch câu đúng được trọn điểm. - Sai hoặc thiếu dấu câu, trừ ½ số điểm.
Câu 2	桌子上的报纸是哪天的？	0.5	
Câu 3	听说小丽她不想去美国。	0.5	
Câu 4	这条裙子卖一百多块钱。	0.5	
Câu 5	请问，什么时候我可以出院？我还要（去）上学。	0.5	
Câu 6	离这里不远有一家法国餐厅，我们走吧。	0.5	

	Hoặc 离这里不远有一家法国饭馆，我们走吧。		-Nhập thiếu dữ kiện, trừ $\frac{1}{2}$ số điểm.
Câu 7	我七点半就来教室了。 Hoặc 我七点半就到教室了。	0.5	
Câu 8	Hôm nay là ngày 7 tháng 2, cách sinh nhật tôi còn có 1 tuần.	0.5	
Câu 9	Tiểu Vương ở đâu vậy? Tôi thấy xe đạp của anh ấy ở trước cửa.	0.5	
Câu 10	Bác sĩ nói mỗi ngày uống cà phê đối với sức khỏe không tốt.	0.5	
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2024

P. Trưởng bộ môn

Giảng viên ra đề



ThS. Cao Thị Xuân Tú

ThS. Võ Ngọc Thiên Phụng